

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST

Ngày 29/01/2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và ông Trần Xuân Phong

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Giang Yên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Thông báo số 01/2026/TB-TA ngày 13/01/2026 về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Ninh Bình.

2. **Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Ninh Bình.

3. **Người tham gia tố tụng khác:**

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T

Tại phiên tòa, chị T, anh T, bà T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/9/2025, bản tự khai của chị Đỗ Thị T lưu trong hồ sơ vụ án với nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Trần Văn T lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Ninh Bình) ngày 06/12/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng tại thôn T, xã B, tỉnh Ninh Bình, vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, việc quản lý kinh tế trong gia đình và cách nuôi dạy các con. Vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau và đã được gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Từ tháng 6 năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị T xác định, tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị T và anh T có 03 con chung là cháu Trần Phương A, sinh ngày 04/5/2014; cháu Trần Gia B, sinh ngày 12/12/2015 và cháu Trần Hải A, sinh ngày 06/11/2022. Hiện nay cháu Trần Hải A đang do chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu Trần Phương A và cháu Trần Gia B đang do anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T đề nghị xin được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hải A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; đề nghị Tòa án giao cháu Trần Phương A và cháu Trần Gia B cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Thúy không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2025 bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh T) trình bày: Anh T là con trai bà, chị T và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị T về sinh sống cùng gia đình chồng, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì mâu thuẫn do chị T ghen tuông, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh T có 3 con chung. Đề nghị Tòa án giao cháu Trần Hải A cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Phương A và cháu Trần Gia B cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà T và gia đình vẫn thường xuyên giúp anh T chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu, hiện nay cháu Phương A và gia B khỏe mạnh, học tập tốt. Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và các vấn đề khác Chị T và anh T không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2025, cháu Trần Phương A và Trần Gia B đều có nguyện vọng xin được tiếp tục ở cùng với bố là Trần Văn T.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hòa giải được vì anh T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình có quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn, anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị T và anh Trần Văn T là hợp pháp, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị T và anh T có 03 con chung là cháu Trần Phương A, cháu Trần Gia B và cháu Trần Hải A. Hiện nay cháu Trần Hải A đang ở với chị T; cháu Trần Phương A và cháu Trần Gia B đang ở anh T. Đề nghị căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử lý hôn giữa chị T và anh T, giao cháu Trần Phương A, sinh ngày 04/5/2014 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 12/12/2015 cho anh Trần Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Hải A, sinh ngày 06/11/2022 cho chị Đỗ Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; đôi bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Các vấn đề khác chị T không yêu cầu nên không phải giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị T và anh Trần Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Trần Văn T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị T và anh Trần Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên lục đục cãi chửi nhau, mặc dù được gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng căng thẳng. Từ tháng 6 năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên giải quyết ly hôn giữa chị Thúy và anh T là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 03 con chung là cháu Trần Phương A, sinh ngày 04/5/2014; cháu Trần Gia B, sinh ngày 12/12/2015 và cháu Trần Hải A, sinh ngày 06/11/2022. Chị T đề nghị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hải A và giao cháu Trần Phương A, cháu Trần Gia B cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét nguyện vọng của chị T là chính đáng. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Trần Phương A và Trần Gia B ở với anh T, cháu Hải A ở với chị T, các cháu đều có cuộc sống ổn định, khỏe mạnh, phát triển tốt; cháu Trần Phương A và cháu Trần Gia B đều có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bố. Vì vậy, nguyện vọng của chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy, cần giao cháu Trần Phương A và cháu Trần Gia B cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu hai cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Trần Hải A cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hải A đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phương A, sinh ngày 04/5/2014 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 12/12/2015 cho anh Trần Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Phương A và cháu Gia B đủ 18 tuổi; giao cháu Trần Hải A, sinh ngày 06/11/2022 cho chị Đỗ Thị T tiếp tục trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Hải A đủ 18 tuổi. Anh T và chị Thúy không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002100 ngày 23 tháng 10 năm 2025 được đối trừ khi thi hành án. Chị Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hân